

UBND TỈNH KHÁNH HÒA CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**SỞ XÂY DỰNG**

**Độc lập Tự do Hạnh phúc**

Số: /GCN-SXD

Khánh Hòa, ngày tháng 10 năm 2024

**GIẤY CHỨNG NHẬN  
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM  
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ, quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ, sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 49/2023/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Xây dựng;

Xét hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty TNHH tư vấn thiết kế kiểm định xây dựng Thành Đạt Việt Nam; Biên bản đánh giá ngày 29/8/2024 của Sở Xây dựng; văn bản số 60/TTQH-KĐ ngày 30/9/2024 của Trung tâm Quy hoạch và Kiểm định xây dựng Khánh Hòa phối hợp kiểm tra, đánh giá điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng và Báo cáo số 09/24/BC ngày 27/9/2024 của Công ty TNHH tư vấn thiết kế kiểm định xây dựng Thành Đạt Việt Nam.

**CHỨNG NHẬN:**

1. Công ty TNHH tư vấn thiết kế kiểm định xây dựng Thành Đạt Việt Nam.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy phép đầu tư) số: 4201668683, ngày 03 tháng 12 năm 2015; thay đổi lần thứ 3 ngày 23 tháng 01 năm 2019. Cơ quan cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa.

Địa chỉ: 44 Lương Văn Can khu AT, phường Vĩnh Hải, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại: 02586 552 086 hoặc 0977844229 Fax:

Tên phòng thí nghiệm: **Trung tâm thí nghiệm vật liệu xây dựng và kiểm định chất lượng công trình.**

Địa chỉ đặt phòng thí nghiệm: 44 Lương Văn Can khu AT, phường Vĩnh Hải, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: **LAS-XD 31.005.**

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày ký./.

***Nơi nhận:***

- Công ty TNHH tư vấn thiết kế kiểm định xây dựng Thành Đạt Việt Nam ;
- Bộ Xây dựng (b/c);
- GD và các PGĐ Sở XD;
- Trang TTĐT Bộ Xây dựng (đăng tin);
- Lưu: VT, HĐXD. Tuấn.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Ngọc Minh**

**DANH MỤC CÁC PHÉP THỬ CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 31.005**

(Kèm theo Giấy chứng nhận số: /GCN-SXD ngày tháng 10 năm 2024  
của Sở Xây dựng tỉnh Khánh Hòa)

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
<b>1</b>	<b>THỬ NGHIỆM XI MĂNG BỘT BẢ</b>	
	Độ mịn, khối lượng riêng, khối lượng thể tích của xi măng, phương pháp Blaine	TCVN 13605:2023
	Xi măng – phương pháp thử - xác định cường độ nén, uốn	TCVN 6016:2011; TCVN 4031:1985; TCVN 9488:2012
	Xác định độ bền nén phương pháp nhanh	TCVN 3736:1982
	Xi măng – phương pháp xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết & độ ổn định thể tích	TCVN 6017:2015; TCVN 10653:2015; TCVN 8875:2012; TCVN 8876:2012; TCVN 9488:2012;
	Xác định hàm lượng mất khi nung, cặn không tan, SO <sub>3</sub> , clorua Cl <sup>-</sup> , C3A, C4AF+2C3A	TCVN 141:2023; TCVN 6820:2015
	Cơ lý bột bả: xác định độ mịn; thời gian đông kết; khối lượng thể tích độ giữ nước; độ bền nước; độ đông cứng bề mặt; độ bám dính với nền	TCVN 7239:2014
	Độ bền sunphat; độ nở thanh vữa trong môi trường sunphat, trong môi trường nước, Độ nở Autoclave	TCVN 6068:2020; TCVN 12003:2018; TCVN 6067:2018; TCVN 7713:2007; TCVN 8877:2011
	Xác định nhiệt thủy hoá	TCVN 6070:2005; TCVN 11970:2018
<b>2</b>	<b>THỬ NGHIỆM HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG</b>	
	Lấy mẫu, chế tạo, bảo dưỡng mẫu	TCVN 3105:2022
	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022
	Xác định độ cứng VEBE	TCVN 3107:2022
	Xác định khối lượng thể tích của hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:2022
	Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109:2022
	Phân tích thành phần hỗn hợp bê tông	TCVN 3110:1993
	Xác định hàm lượng bọt khí trong bê tông	TCVN 3111:2022
	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:2022
	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022
	Xác định độ chịu mài mòn	TCVN 3114:2022
	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:2022
	Xác định độ chống thấm nước	TCVN 3116:2022
	Xác định cường giới hạn bền khi nén của bê tông	TCVN 3118:2022
	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:2022
	Xác định cường độ kéo khi bừa	TCVN 3120:2022
	Xác định hàm lượng sunfat trong bê tông đã đông rắn	TCVN 9336: 2012

<b>TT</b>	<b>Tên chỉ tiêu thí nghiệm</b>	<b>Tiêu chuẩn kỹ thuật</b>
	Xác định độ pH	TCVN 9339:2012
	Xác định cường độ lắng trụ và mô đun đàn hồi khi nén tĩnh	TCVN 5726:2022
	Chỉ dẫn kỹ thuật - Xác định thành phần cấp phối bê tông	TCVN 10306:2014; TCVN 9382:2012; TCVN 12631:2020; TCVN 10796:2015; Quyết định 778/1998/QĐ-BXD ngày 04/09/1998. Ban hành Chỉ dẫn kỹ thuật Ngành Xây dựng
	Xác định nhiệt độ hôn hợp bê tông, vữa	TCVN 9340:2012
	Xác định thời gian bắt đầu đông kết của bê tông, vữa	TCVN 9338:2012
	Xác định hàm lượng ion Clorua trong bê tông	TCVN 9337:2012
<b>3</b>	<b>THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG</b>	
	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:2022; TCVN 9028:2011
	Xác định độ lưu động của vữa	TCVN 3121-3:2022; TCVN 9028:2011
	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2022
	Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa	TCVN 3121-8:2022; TCVN 9028:2011
	Xác định thời gian bắt đầu đông kết của vữa tươi	TCVN 3121-9:2022; TCVN 9028:2011
	Xác định khối lượng thể tích của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121- 10:2022
	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-11:2022; TCVN 9028:2011
	Xác định độ hút nước của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-18:2022; TCVN 9028:2011
	Xác định cường độ bám dính của vữa đã đóng rắn trên nền	TCVN 3121-12:2022; TCVN 9028:2011
<b>4</b>	<b>THỬ NGHIỆM CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA</b>	
	Lấy mẫu; Thành phần cỡ hạt; Xác định khối lượng thể tích xốp và độ rỗng; Xác định tạp chất hữu cơ; Xác định nén đập và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn; Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angeles); Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn; Xác định khả năng phản ứng kiềm – silic; Xác định hàm lượng clorua; Xác định hàm lượng sunfat, Sunfit trong cốt liệu nhỏ; Xác định hàm lượng hạt yếu; phong hóa; Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ; Xác định hàm lượng silic oxit vô định hình; Xác định hàm lượng mica	TCVN 7572:2006
	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006; TCVN 10322:2014; TCVN 10321:2014
	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN:7572-5:2006; TCVN 10321:2014; TCVN 10322:2014
	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006; TCVN 10321:2014

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006; TCVN 9205:2012
	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006; TCVN 10324:2014
	Xác định chỉ tiêu ES bằng phép thử đương lượng cát.	AASHTO T176:1990; ASTM C2419:1991
	Xác định góc dốc tự nhiên của cát và đất rời	TCVN 8724:2012
<b>5</b>	<b>THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT, CẤP PHỐI ĐÁ DẴM TRONG PHÒNG</b>	
	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012
	Xác định độ ẩm và độ hút nước	TCVN 4196:2012; TCVN 8728:2012
	Xác định giới hạn dẻo và giới hạn chảy	TCVN 4197:2012; TCVN 13777:2023; TCVN 14134-4:2024
	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014; TCVN 6862:2012; TCVN 8567:2010; TCVN 8217:2009; TCVN 14134-3:2024
	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:1995; TCVN 8725:2012
	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:2012; TCVN 9438:2012
	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:2012; TCVN 12790:2020; 22 TCN 333:2006
	Xác định khối lượng thể tích (Dung trọng)	TCVN 4202:2012; TCVN 8721:2012
	Xác định hệ số thấm vật liệu rời với cột nước không đổi	22 TCN 139:2005; TCVN 9148:2012
	Xác định Môduyn vật liệu của đất	22 TCN 211:2006
	Xác định các chỉ tiêu của đất trên máy nén ba trục (UU, CU, CD, Cv)	TCVN 8868:2011
	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR) - Trong phòng thí nghiệm	22 TCN 332:2006; TCVN 12792:2020
	Xác định hệ số thấm K	TCVN 8723:2012; TCVN 12662:2019
	Xác định hàm lượng hữu cơ của đất	TCVN 6642:2000; TCVN 7376: 2004; TCVN 8941:2011; TCVN 8726:2012; TCVN 6644:2000
	Xác định hàm lượng các ion thành phần muối hòa tan của đất	TCVN 9436:2012; TCVN 8727:2012; TCVN 12615:2019; TCVN 12616:2019;
	Phân tích hoá cơ bản đất sét: Hàm lượng mất khi nung (MKN); Hàm lượng silic dioxit (SiO <sub>2</sub> ); Hàm lượng Sắt oxit (Fe <sub>2</sub> O <sub>3</sub> ); Hàm lượng nhôm oxit (Al <sub>2</sub> O <sub>3</sub> ); Hàm lượng magie oxit (MgO); Hàm lượng lưu huỳnh trioxit (SO <sub>3</sub> ); Hàm lượng clo (Cl <sup>-</sup> ); Hàm lượng cặn không tan	TCVN 7131:2016; TCVN 13775:2023; TCVN 13774:2023; TCVN 9924 : 2013
	Xác định độ dẫn điện riêng (EC) của đất	TCVN 6650:2000
	Xác định pH của đất	TCVN 5979:2021; TCVN 7131:2016; TCVN 7377:2004
	Xác định hàm lượng Phospho	TCVN 5256:2009; TCVN 8661:2011; TCVN 7374:2004
	Xác định hàm lượng Kali	TCVN 8662:2011; TCVN 8660:2011;

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
		TCVN 7375:2004
	Xác định hàm lượng Nitơ	TCVN 5255:2009; TCVN 6645:2000; TCVN 7373:2004
<b>6</b>	<b>THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU KIM LOẠI VÀ LIÊN KẾT HÀN</b>	
	Vật liệu kim loại – Thử kéo – phần 1: Phương pháp thử ở nhiệt độ phòng	TCVN 197-1:2014; TCVN 314:2008
	Vật liệu kim loại – Thử uốn	TCVN 198:2008; TCVN 5401:2010
	Kiểm tra chất lượng mối hàn – Thử uốn	TCVN 5401:2010
	Thử kéo mối hàn kim loại	TCVN 5403:2010; TCVN 8310:2010; TCVN 197:2014; TCVN 8311:2010
	Kiểm tra không phá hủy mối hàn – phương pháp siêu âm	TCVN 6735:2018; TCVN 165:1988; TCVN 7507:2016; TCVN 5879:2009; TCVN 6113:1996; TCVN 6114:1996; TCVN 6116:1996; TCVN 8921:2012; TCVN 6735:2018; TCVN 11244:2018
	Thử nghiệm dây cáp thép, hệ thống neo và cáp dự ứng lực	TCVN 6284:1997; TCVN 197:2014; TCVN 7937-3:2013; TCVN 10270:2014; TCVN 10568:2017; 22 TCN 267:2000
	Thí nghiệm bu lông, ốc đai, ốc vít, vật liệu bu lông	TCVN 197:2014; TCVN 198:2008; TCVN 1916:1995
	Đo chiều dày lớp phủ, lớp mạ, độ bám dính	TCVN 5408:2007; TCVN 5877:2007; TCVN 7665:2007; TCVN 4392:1986; TCVN 2878:2007; TCVN 5878:2007; TCVN 9406 : 2012
	Thử nghiệm thép hình	TCVN 197:2014; TCVN 4398: 2001;TCVN 7571:2019
	Nhôm, hợp kim định hình dùng trong xây dựng: Độ bền kéo; Độ dẫn dài tương đối; Độ cứng, dung sai hình dạng và kích thước	TCXDVN 330:2004; TCVN 197:2014; TCVN 12513-3÷6:2018; TCVN 12513-2:2018; TCVN 258:2007
	Dây kim loại - Thử kéo, thử bẻ gấp, thử xoắn, thử quán	TCVN 1824:1993, TCVN 1825:2008; TCVN 1826:2006; TCVN 1827:2006; TCVN 12518-1, 2:2018; TCVN 1847:1976
	Rọ đá - Kích thước ô đựng; Kích thước mắt lưới; Kích thước ô lưới hiệu dụng; Đường kính dây, lõi thép; Sai số kích thước; kích thước dây bọc, dây viền mã kẽm, chiều dày vỏ bọc	TCVN 10335:2014
	Thử nghiệm ống kim loại: Thử nén bẹp, thử kéo, mô đun đàn hồi	TCVN 1830:2008; TCVN 197:2014; TCVN 5402:2010; TCVN 8163:2009; TCVN 314:2008; TCVN 11221:2015
	Vật liệu kim loại: Cường độ, độ cứng, độ bền kéo, độ giãn dài, ứng suất bền, giới hạn chảy, kích thước hình học	TCVN 256:2006; TCVN 197:2014; TCVN 257:2007; TCVN 258:2007; TCVN 7937-1÷3:2013
	Kiểm tra không phá hủy - Phương pháp bột từ	TCVN 4396:2018; TCVN 5880:2010; TCVN 11244:2018
	Kiểm tra không phá hủy - Phương pháp thẩm thấu	TCVN 4617:2018
	Phân tích thành hoá học của kim loại	TCVN 8998:2018

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
	Thép làm cốt thép bê tông và bê tông dự ứng lực - Thử kéo uốn, uốn lại, kích thước các hình học, xác định diện tích gân, xác định sai lệch khối lượng,	TCVN 7937-1÷3:2013
	Mối nối bằng ống ren	TCVN 13711-1÷3-2023; TCVN 8163:2009
<b>7</b>	<b>THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG NHỰA</b>	
	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall, Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay li tâm, Xác định thành phần hạt, Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời, Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén, Xác định độ chảy nhựa, Xác định hệ số độ chặt lu lèn, Xác định độ rỗng dư, Xác định độ rỗng cốt liệu, Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa, Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-1, 2, 3, 4, 5, 6, 8, 9, 10, 11, 12 :2011
	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011; TCVN 11807:2017
	Thiết kế hỗn hợp bê tông nhựa nóng theo phương pháp Mashall	TCVN 8820:2011; TCVN 13567:2022; TCVN 12759-1, 2:2020; TCVN 12817:2019; TCVN 12818:2019
<b>8</b>	<b>THỬ NGHIỆM NHỰA BITUM</b>	
	Phương pháp xác định độ kim lún	TCVN 7495:2005
	Phương pháp xác định độ kéo dài	TCVN 7496:2005
	Phương pháp xác định điểm hoá mềm (dụng cụ vòng-và-bi)	TCVN 7497:2005
	Phương pháp xác định điểm chớp cháy và điểm cháy bằng thiết bị thử cốc hở Cleveland	TCVN 7498:2005; TCVN 8818-2:2011
	Phương pháp xác định tổn thất khối lượng sau gia nhiệt	TCVN 7499:2005
	Phương pháp xác định độ hoà tan trong tricloetylen	TCVN 7500:2023
	Phương pháp xác định khối lượng riêng (Phương pháp Pycnometer)	TCVN 7501:2005
	Phương pháp xác định độ nhớt động	TCVN 7502:2005; TCVN 11196:2017; TCVN 8817-2:2011
	Xác định hàm lượng paraphin bằng phương pháp chưng cất	TCVN 7503:2005; TCVN 8818-4:2011
	Phương pháp xác định độ bám dính với đá	TCVN 7504:2005; TCVN 8817-15:2011
<b>9</b>	<b>THỬ NGHIỆM CƠ LÝ VẬT LIỆU BỘT KHOÁNG TRONG BTN</b>	
	Hình dạng bên ngoài; Thành phần hạt; Lượng mất khi nung	22 TCN58:1984; TCVN 12884-2:2020
	Hàm lượng nước; Khối lượng riêng của bột khoáng	22 TCN58:1984; TCVN 12884-2:2020; TCVN 8735:2012
	Khối lượng thể tích và độ rỗng của bột khoáng chất, Hàm lượng chất hòa tan trong nước; Hệ số háo nước, Khối lượng riêng của	22 TCN58:1984

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
	hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường, Khối lượng thể tích và độ rỗng dư của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường; Chỉ số hàm lượng nhựa của bột khoáng, Độ trương nở của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường	
<b>10</b>	<b>THỬ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG</b>	
	Xác định dung trọng, độ ẩm của đất bằng phương pháp dao đai, phương pháp bóng cao su	22 TCN 02:1971; TCVN 12791:2020; TCVN 8728:2012; TCVN 8729:2012; TCVN 9350:2012; TCVN 8730:2012
	Xác định độ ẩm, khối lượng thể tích của đất trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát	22 TCN 346:2006; TCVN 8729:2012; TCVN 8728:2012; TCVN 9350:2012; TCVN 8730:2012
	Xác định môđun đàn hồi của nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp sử dụng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011; TCVN 9354:2012
	Xác định cường độ kéo khi ép chèn của vật liệu hạt liên kết bằng chất kết dính	TCVN 8862:2011
	Xác định độ bằng phương pháp thước dài 3,0 mét	TCVN 8864:2011
	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011
	Xác định môđun đàn hồi E chung của kết cấu áo đường mềm bằng cần đo vông Benkelman	TCVN 8867:2011
	Thí nghiệm xác định sức kháng cắt không cố kết, tính thoát nước của đất dính trên thiết bị nén ba trục	TCVN 8868:2011
	Phương pháp xác định chỉ số CBR của nền đất và các lớp móng đường bằng vật liệu rời tại hiện trường	TCVN 8821:2011
	Phương pháp thử không phá hủy xác định cường độ nén sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nảy	TCVN 9335:2012
	Phương pháp xác định chiều dày bê tông bảo vệ, vị trí và đường kính cốt thép trong bê tông	TCVN 9356:2012
	Đo điện trở đất	TCVN 9385:2012
	Đất xây dựng – Phương pháp xác định môđun biến dạng hiện trường bằng tấm ép phẳng	TCVN 9354:2012
	Xác định chuyển dịch ngang bằng PP trắc địa	TCVN 9399:2012
	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn ( SPT )	TCVN 9351:2022
	Thử cột điện bê tông cốt thép ly tâm	TCVN 5847:2016
	Cọc bê tông ly tâm ứng lực trước	TCVN 7888:2014
	Cọc – Phương pháp thí nghiệm tại hiện trường bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012
	Đánh giá độ bền của các bộ phận kết cấu chịu uốn ( kết cấu bê tông cốt thép) trên	TCVN 9344:2012

<b>TT</b>	<b>Tên chỉ tiêu thí nghiệm</b>	<b>Tiêu chuẩn kỹ thuật</b>
	công trình bằng pp thí nghiệm chất tải tĩnh	
	Kiểm tra ống cống bê tông cốt thép	TCVN 9113:2012
	Kiểm tra cống hộp bê tông cốt thép	TCVN 9116:2012
	Xác định độ va đập, thử áp suất ống	TCVN 7305-1, 2, 3, 5:2008
	Cọc - Phương pháp xung siêu âm	TCVN 9396:2012
	Bê Tông - xác định cường độ kéo nhỏ	TCVN 9490:2012
	Phương pháp thí nghiệm xuyên tĩnh	TCVN 9352:2012; TCVN 9846:2013
	Khảo sát đo đạc địa hình	TCVN 9398:2012
	Thí nghiệm xuyên động (CBR)	TCVN 10272:2014
	Thí nghiệm nhỏ, nén ngang, nén dọc cọc bê tông cốt thép	TCXD 88:1982
	Khảo sát đánh giá mức độ nguy hiểm của kết cấu nhà	TCVN 9381:2012
	Bê tông - Phương pháp xác định cường độ bê tông trên mẫu lấy từ kết cấu	TCXDVN 239:2006; TCVN 5574:2018, TCVN 3118:2022; TCVN 12252:2020; TCVN 9347:2012
	Xác định cường độ nén bê tông bằng súng bật nảy	TCVN 9334:2012
	Xác định chiều rộng vết nứt của bê tông	TCVN 5574:2018; TCVN 5879:2009; TCVN 13536:2022; TCVN 13537:2022
	Cửa sổ và cửa đi- Xác định kích thước hình học, độ bền va đập, đóng mở lặp lại, độ bền áp lực gió, độ kín nước, độ bọt khí,	TCVN 7452-1÷3:2021; TCVN 7452-5, 6:2004; TCVN 9366-1, 2:2012
	Lớp phủ bề mặt kết cấu xây dựng - phương pháp kéo đứt thử độ bám dính nền; Độ bám dính của vật liệu	TCVN 9349:2012
	Nắp hố ga, song chắn rác: Xác định cường độ bê tông, xác định kích thước, xác định khuyết tật ngoại quan, xác định độ mài mòn bê tông, xác định khả năng chịu tải.	TCVN 10333-03:2016; TCVN 3114:2022; TCVN 12754:2020
	Xác định độ lún công trình	TCVN 9360:2012
	Xác định vận tốc xung siêu âm	TCVN 9357:2012; TCVN 13536:2022; TCVN 13537:2022
	Bê tông đúc sẵn - Xác định kích thước ngoại quan và khuyết tật cho phép, Xác định cường độ bê tông, Xác định khả năng chịu tải	TCVN 10797:2015; TCVN 10798:2015; TCVN 10799:2015; TCVN 10800:2015; TCVN 6394:2014; TCVN 12040:2017; TCVN 11524:2016;
	Xác định độ thấm nước, hệ số thấm hiện trường	TCVN 8731:2012; TCVN 9148:2012; TCVN 9149:2012
<b>11</b>	<b>THỬ NGHIỆM ĐẤT, ĐÁ GIA CÔNG CHẤT KẾT DÍNH</b>	
	Cường độ kháng ép	TCVN 10379:2014; TCVN 8858:2023; 22 TCN 59:1984
	Cường độ ép chế	TCVN 8862:2011
	Môđun đàn hồi	TCVN 9843:2013; 22 TCN 72:1984
	Độ ổn định nước sau 5 chu kỳ - sấy	22TCN 59:1984
<b>12</b>	<b>THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH XÂY</b>	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan, Xác định cường độ nén, xác định cường độ uốn, Xác định độ hút nước, xác định khối lượng thể tích, xác định độ rỗng	TCVN 6355 -1÷6:2009
<b>13</b>	<b>THỬ NGHIỆM GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN</b>	
	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan; Xác định cường độ nén; độ hút nước; độ mài mòn	TCVN 6476:1999
<b>14</b>	<b>THỬ NGHIỆM GẠCH BÊ TÔNG NHẹ CHỪNG ẮP, BỌT KHÍ KHÔNG CHỪNG ẮP</b>	
	Xác định hình dạng, kích thước, độ phẳng mặt, thẳng cạnh, xác định khối lượng thể tích khô, xác định cường độ nén, độ hút nước	TCVN 7959:2017; TCVN 9030:2017
<b>15</b>	<b>THỬ NGHIỆM GẠCH TERAZO</b>	
	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan; Xác định cường độ nén; độ hút nước; độ mài mòn; cường độ uốn	TCVN 7744:2013
<b>16</b>	<b>THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BÊ TÔNG</b>	
	Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan; Xác định cường độ nén; độ rỗng; độ thấm nước; độ hút nước	TCVN 6477:2016
<b>17</b>	<b>THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH XI MĂNG LÁT NỀN</b>	
	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan; Xác định độ mài mòn, độ hút nước, độ cứng lớp mặt; Xác định độ chịu lực xung kích; Lực uốn gãy	TCVN 6065:1995; TCVN 7744:2013
<b>18</b>	<b>THỬ NGHIỆM CƠ LÝ NGÓI LỘP</b>	
	Xác định tải trọng uốn gãy của ngói, độ hút nước của ngói, xác định thời gian không xuyên nước của ngói, xác định khối lượng 1m <sup>2</sup> ngói bảo hoà nước,	TCVN 1452:2023; TCVN 1453:2023; TCVN 4313:2023; TCVN 7195:2002
<b>19</b>	<b>THỬ NGHIỆM NƯỚC XÂY DỰNG</b>	
	Xác định độ PH	TCVN 6492:2011
	Xác định hàm lượng cặn không tan, muối hoà tan	TCVN 4560:1988
	Xác định màu sắc, váng dầu mỡ	TCVN 4506:2012
	Xác định hàm lượng ion clorua (Cl)	TCVN 6194:1996; TCVN 6494-1:2011
	Xác định hàm lượng ion sulfat (SO <sub>4</sub> )	TCVN 6200:1996; TCVN 6494-1:2011
	Xác định hàm lượng chất hữu cơ	TCVN 6186:1996
<b>20</b>	<b>THỬ NGHIỆM ĐÁ ỐP LÁT TỰ NHIÊN</b>	
	Xác định sai lệch kích thước và chất lượng bề mặt, độ hút nước, Khối lượng thể tích, Độ bền uốn, độ cứng vạch bề mặt theo thang	TCVN 4732:2016; TCVN 8057:2009

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
	Mohs, độ chịu mài mòn sâu	
21	<b>THỬ NGHIỆM TÂM SỐNG AMIANG XI MĂNG</b>	
	Kiểm tra ngoại quan và kích thước; thời gian xuyên nước; tải trọng uốn gãy mẫu; khối lượng thể tích	TCVN 4435:2000
22	<b>THỬ NGHIỆM NHŨ TƯƠNG NHỰA ĐƯỜNG AXIT</b>	
	Xác định độ nhớt Saybolt Furol, Xác định độ lắng và độ ổn định lưu trữ, Xác định lượng hạt quá cỡ (Thử nghiệm sàng), Xác định điện tích hạt, Xác định độ khử nhũ, Thử nghiệm trộn với xi măng, Xác định độ dính bám và tính chịu nước, Thử nghiệm chung cát, Thử nghiệm bay hơi, Nhận biết nhũ tương nhựa đường a xít phân tách nhanh, Nhận biết nhũ tương nhựa đường a xít phân tách chậm, Xác định khả năng trộn lẫn với nước, Xác định khối lượng thể tích, Xác định độ dính bám với cốt liệu tại hiện trường	TCVN 8817-2÷15:2011
23	<b>THỬ NGHIỆM BENTONITE</b>	
	Xác định tỷ lệ chất keo; độ dày áo của sét; lực cắt tĩnh; tính ổn định; khối lượng riêng; độ nhớt; hàm lượng cát; lượng mất nước; độ pH	TCVN 9395:2012; TCVN 13068:2020; TCVN 11893:2017
24	<b>THỬ NGHIỆM NHỰA ĐƯỜNG LỎNG, BÊ TÔNG NHỰA</b>	
	Nhiệt độ chớp cháy; Xác định hàm lượng nước; Xác định lượng còn lại sau chung cát; Xác định độ nhớt tuyệt đối	TCVN 8818:2011
25	<b>THỬ NGHIỆM BĂNG CẢN NƯỚC; VẢI ĐỊA KỸ THUẬT; TẤM TRẢI CHỐNG THẨM</b>	
	Thử nghiệm băng cản nước - Xác định kích thước và ngoại quan; khối lượng riêng; độ cứng Shore; cường độ chịu kéo và độ giãn dài khi đứt; tỷ lệ khối lượng sau khi lão hoá nhiệt; độ bền hoá	TCVN 9407:2014; TCVN 9384:2012; TCVN 4866:2013; TCVN 1595-1:2013; TCVN 4509:2020
	Vải địa kỹ thuật: Xác định lực kéo giật và độ giãn dài kéo giật; lực xé rách hình thang; lực xuyên thủng CBR; lực kháng xuyên thủng thanh; áp lực kháng bụi; kích thước lỗ biểu kiến bằng phép thử sàng khô,	TCVN 8871-1÷6:2011; TCVN 9138:2012; TCVN 8485:2010; TCVN 8486:2010
	Tấm trải chống thấm trên cơ sở bitum biến tính: Xác định tải trọng kéo đứt và độ giãn dài khi đứt; Độ thấm nước dưới áp lực thủy tĩnh; độ bền nhiệt	TCVN 9408:2014 ; TCVN 9067-1÷4:2012; TCVN 9409-1÷5:2014
26	<b>THỬ NGHIỆM SƠN TÍN HIỆU GIAO THÔNG, SƠN VECNI, SƠN EPOXY, SƠN TƯỜNG, SƠN VÀ LỚP PHỦ BẢO</b>	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
	<b>VỆ KIM LOẠI, BLOC THỦY TINH, SỢI THỦY TINH, VẬT LIỆU CHỐNG THẤM</b>	
	Lấy mẫu, bao gói, ghi nhãn, vận chuyển và bảo quản; Kiểm tra và chuẩn bị mẫu thử	TCVN 2090:2015; TCVN 2094:1993; TCVN 5669:2013
	Sơn tín hiệu giao thông – Vật liệu kẻ đường phản quang nhiệt dẻo- ( Chất tạo màng; Hạt thủy tinh; Độ bền nhiệt; Nhiệt độ hoá mềm; Độ kháng cháy; KLR; Thời gian bảo quản 1 năm; Chiều dày vạch sơn; Chiều rộng vạch sơn; Sai số cho phép của chiều rộng vạch sơn; Ngoại quan của vạch kẻ), sơn vạch đường hệ nước, sơn lót giao thông- (Độ mịn; Độ phát sáng; Độ bền rửa trôi; Độ chống loang màu; Độ bền va đập; Độ chịu dầu; Độ chịu muối; Độ chịu kiềm; Độ chịu nước; Độ mài mòn; Độ chống trượt), Độ ổn định ; Độ ổn định lưu trữ	64 TCN 93:1995; TCVN 8791:2018; TCVN 8786:2018; TCVN 8787:2018; TCVN 12988-1÷3:2020
	Sơn Epoxy (Ổn định thùng chứa; Tính đồng nhất; khả năng thi công sơn; Bề ngoài màng sơn; Thời gian sống; Khả năng chịu kiềm; Khả năng chịu xi măng; HL chất không bay hơi trong sơn; XĐ tính nhựa epoxy ; Phù hợp lớp phủ trên; Khả năng chịu nước muối; Độ bền thời tiết)	TCVN 9014:2011
	Sơn tường - sơn nhũ tương: xác định trạng thái sơn trong thùng chứa; Đặc tính thi công; Đặc tính sử dụng, độ ổn định ở nhiệt độ thấp và ngoại quan màng sơn; Độ bền nước; Độ bền kiềm; Độ bền rửa trôi; Độ bền chu kỳ nóng lạnh; cảm quan; Độ thấm nước, hấp thụ nước	TCVN 8653-1÷5:2024; TCVN 8652:2020; TCVN 9405:2012
	Màng phản quang - Chuẩn bị tấm thử; Hệ số phản quang; Độ bền thời tiết; Màu sắc ban ngày, ban đêm; Độ bền màu; Độ co ngót; Độ bền uốn; Khả năng tách lớp lót; Độ bám dính; Độ bền va đập; Độ tương phản của màng sơn khô	TCVN 7887:2018; TCVN 10832:2015
	Sơn và lớp phủ bảo vệ kim loại - Hướng dẫn đánh giá hệ sơn và lớp phủ trong điều kiện tự nhiên, trực quan tổng thể; Xác định độ mất màu, độ tích bụi, độ tích bụi (sau khi rửa nước), độ thay đổi độ bóng, độ mài mòn, độ rạn nứt, độ đứt gãy, độ phòng rộp, độ tạo vảy và bong nước, độ phân hóa, độ thay đổi màu, mức độ phát triển của nấm và tảo	TCVN 8785-1÷14:2011; TCVN 12816-1, 2:2019
	Độ bền va đập; Chỉ số hoá vàng của sơn màu trắng; Khả năng chống nứt ở nhiệt độ thấp	TCVN 2100-1, 2:2013
	Xác định độ bóng của màng	TCVN 2101:2016

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
	Màu sắc , so màu	TCVN 2102:2020; TCVN 10832:2015; TCVN 8787:2018
	Xác định độ nghiền mịn, độ mịn	TCVN 2091:2015
	Xác định thời gian chảy (độ nhớt quy ước) bằng phễu chảy	TCVN 2092:2013
	XĐ hàm lượng chất không bay hơi, chất rắn và chất tạo màng	TCVN 2093:1993
	Xác định độ phủ của màng	TCVN 2095:1993
	Xác định độ khô và thời gian khô	TCVN 2096-1÷6:2015
	Xác định độ bám dính của màng sơn	TCVN 2097:2015; TCVN 13480-8:2022
	Xác định độ cứng của màng bằng phương pháp thử dao động tắt dần của con lắc	TCVN 2098:2007; ISO 1522:2006
	Xác định độ bền uốn của màng.	TCVN 2099:2013; TCVN 12987:2020
	Xác định chiều dày màng sơn khô, độ dày màng	TCVN 9406:2012; TCVN 9760:2013
	Độ nhớt ; Độ ổn định biến dạng nhiệt	TCVN 9879:2013
	Thủy tinh xây dựng – Bloc thủy tinh rỗng: Kiểm kích thước, khuyết tật ngoại quan, độ bền nước, độ lệch khối, độ bền nén	TCVN 7599:2007; TCVN 1046:2004
	Sợi thủy tinh - Kích thước, Chiều dày, Khối lượng thể tích, Độ hút ẩm, Độ hút nước, Hàm lượng phân vật liệu không ở dạng sợi, Đường kính sợi, lực kéo đứt,	TCVN 7738:2007; TCVN 7739-2, 3, 4, 6:2007
	Sơn và vecni - Tấm chuẩn để thử	TCVN 5670:2020; TCVN 12703-1÷2:2019; TCVN 12988-1÷3:2020; TCVN12703-3:2019
	Vật liệu chống thấm, Thời gian khô, Độ chịu nhiệt, Độ xuyên nước, Độ bền lâu, chu kỳ	TCVN 9065:2012; TCVN 6557:2000; TCVN 9408:2014; TCVN 12692:2020
27	<b>THỬ NGHIỆM TẤM THẠCH CAO; KHUNG TRẦN TREO</b>	
	Tấm thạch cao - Xác định kích thước, độ sâu của gờ vuốt thon và độ vuông góc của cạnh, độ cứng của cạnh, gờ và lõi, cường độ chịu uốn, độ kháng nhổ đinh, độ biến dạng ẩm, độ hút nước, độ hấp thụ nước bề mặt, độ thấm thấu hơi nước	TCVN 8256:2022; TCVN 8257-1÷8:2023; TCVN 13560:2022
	Thử tải khung trần treo	TCVN 12694:2020; TCVN 5408:2007; TCVN 9344:2012; TCVN 13604:2023
28	<b>THỬ NGHIỆM GẠCH GÓM ỐP LÁT</b>	
	Gạch gốm ốp lát -gạch granit: Xác định kích thước và chất lượng bề mặt, độ hút nước, độ xốp biểu kiến, khối lượng riêng tương đối và khối lượng thể tích, độ bền uốn và lực uốn gãy, độ bền va đập bằng cách đo hệ số phản hồi, độ bền mài mòn bề mặt đối với gạch phủ men, độ bền băng giá, độ bền chống bám bẩn, sự khác biệt nhỏ về màu, độ cứng bề mặt theo thang Mohs	TCVN 13113:2020; TCVN 6415-1÷18:2016
29	<b>THỬ NGHIỆM GỖ TỰ NHIÊN VÀ VÁN</b>	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
	<b>GỖ NHÂN TẠO</b>	
	Gỗ - Xác định độ ẩm, khối lượng thể tích, độ bền uốn tĩnh, giới hạn nén vuông góc với thớ, ứng suất kéo song song thớ, ứng suất kéo vuông góc thớ, ứng suất cắt song song thớ, độ bền cắt song song thớ, độ bền uốn va đập, độ cứng va đập, độ co nứt của gỗ, độ giãn nở theo phương xuyên tâm và phương tiếp tuyến,	TCVN 8043:2009; TCVN 8044:2014; TCVN 8045:2009; TCVN 8046:2009; TCVN 8047:2009; TCVN 1553:1974; TCVN 1554:1974; TCVN 8164:2015; TCVN 8044:2014; TCVN 13707-1÷17:2023
	Ván gỗ nhân tạo (ván dăm, ván ép, MDF, HDF) – Xác định kích thước, độ vuông góc và độ thẳng cạnh, Xác định độ ẩm, khối lượng thể tích, độ trương nở chiều dày sau khi ngâm trong nước, mô đun đàn hồi khi uốn tĩnh và độ bền uốn tĩnh, độ bền kéo vuông góc với mặt ván, độ bền ẩm, lực bám giữ đinh vít	TCVN 11903:2017; TCVN 12362:2018; TCVN 12445:2018; TCVN 12446:2018; TCVN 12447:2018; TCVN 12444:2018; TCVN11904:2017; TCVN11905:2017; TCVN11906: 2017; TCVN11907:2017; TCVN 11205:2015; TCVN 5692:2014; TCVN 5694:2014; TCVN 10311:2015; TCVN 13181:2020
<b>30</b>	<b>THỬ NGHIỆM KÍNH XÂY DỰNG</b>	
	Kiểm tra sai lệch kích thước, kiểm tra khuyết tật ngoại quan, độ cong vênh	TCVN 7219:2018; TCVN 7527:2005; TCVN 7364-1, 5, 6:2018; TCVN 7455:2013
	Xác định độ bền va đập bi rơi, độ bền va đập con lăn, kiểm tra phá vỡ mẫu	TCVN 7368:2013; TCVN 7455:2013; TCVN 7364:2018
	Xác định độ bền nhiệt, độ bền chịu ẩm	TCVN 7364:2018
<b>31</b>	<b>THỬ NGHIỆM DÂY ĐIỆN VÀ THIẾT BỊ ĐIỆN DẪN DỤNG</b>	
	Chiều dày cách điện; Chiều dày vỏ bọc; Mặt cắt danh định, kết cấu; Đường kính ruột dẫn, đường kính ngoài, đường kính rọi dẫn, số sợi dẫn; Thử kháng nứt vỏ bọc ở 150°C trong 1h	TCVN 6612:2007; TCVN 5935:2013; TCVN 6610:2014; TCVN 6614-1-1-:2008; TCVN 8698:2011
	Đường kính, tiết diện sợi đồng; Điện trở cách điện ở 15-35°C; Ứng suất kéo đứt và độ giãn dài tương đối của cách điện, sợi đồng, sợi dẫn; Khả năng chống nứt, chống cháy của cách điện; Độ biến dạng của cách điện; Điện trở một chiều của ruột dẫn ở 20°C; Điện trở cách điện; Lực kéo đứt toàn bộ dây dẫn; Chiều sáng nhân tạo - phương pháp đo độ rọi	TCVN 8090:2009; TCVN 6610-1÷5:2014; TCVN 8665:2011; TCVN 6612:2007; TCVN 6614-1:2008; TCVN 5176:1990; TCVN 13608:2023; TCVN 12236:2018
<b>32</b>	<b>THỬ NGHIỆM PHỤ GIA CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA</b>	
	Xác định hàm lượng chất khô, hàm lượng tro, XĐ độ PH, tỷ trọng, khả năng giảm nước, thời gian ninh kết, cường độ nén so với mẫu đối chứng, độ co nở	TCVN 8826:2011; TCVN 8827:2011; TCVN 9339:2012; TCVN 9338:2012; TCVN 9339:2012; TCVN 10302:2014
<b>33</b>	<b>THỬ NGHIỆM ONG NHỰA, PHỤ KIỆN ONG, TẤM NHỰA, PVC, uPVC, PP, PE, PPR, HDPE</b>	
	Kích thước, độ bền kéo, nén, độ bền va đập, độ bền áp suất, độ bền ngắn hạn ở 20°C,	TCVN 6145:2007; TCVN 6148:2007; TCVN 6149:2007; TCVN 7434-1÷3:2004;

<b>TT</b>	<b>Tên chỉ tiêu thí nghiệm</b>	<b>Tiêu chuẩn kỹ thuật</b>
	80°C, 90°C, ứng suất tối đa, độ căng, độ giãn dài, cường độ xé rách, cường độ đâm thủng, độ cứng, dính bám, độ biến dạng khi nén	TCVN 7305:2008; TCVN 11821-1, 2, 3:2017; TCVN 4501:2014; TCVN 8492:2011; TCVN 8850:2011; TCVN 7306:2008; TCVN 6144:2003; TCVN 4519:1988
<b>34</b>	<b>THỬ NGHIỆM CAO SU</b>	
	Biến dạng nén dư 25°C; 72 giờ; 25%	TCVN 5320-1, 2:2016; TCVN 10308:2014
	Độ cứng Shore, độ kháng xé, độ cứng ấn lõm, mô đun trượt	TCVN 1595-1, 2:2013; TCVN 10229:2017; TCVN 10308:2014
	Khối lượng riêng	TCVN 4866:2013
	Thử kéo đứt, tính chất ứng suất, độ giãn dài khi kéo, Cường độ kết dính	TCVN 4509:2020; TCVN 10308:2014; TCVN 4867:2018
	Lão hóa ở nhiệt độ cao và độ bền nhiệt	TCVN 2229:2013
<b>35</b>	<b>THỬ NGHIỆM TRO BAY, XỈ HẠT LÒ CAO</b>	
	Xác định độ ẩm	TCVN 10302:2014; TCVN 8262:2009; TCVN 7572-7:2006; TCVN 8265:2009
	Khối lượng riêng	TCVN 11586:2016
	Xác định độ mịn theo lượng sót trên sàng 45 µm, 80µm, Bề mặt riêng	TCVN 10302:2014; TCVN 8827:2011; TCVN 13605:2023
	Hàm lượng mất khi nung (MKN)	TCVN 10302:2014; TCVN 8262:2009; TCVN 141:2023; TCVN 8265:2009; TCVN 11586:2016
	Xác định lượng nước yêu cầu	TCVN 10302:2014; TCVN 8825:2011
	Xác định chỉ số hoạt tính bằng cường độ	TCVN 10302:2014; TCVN 6882:2016; TCVN 6016:2011; TCVN 4315:2007
<b>36</b>	<b>THỬ NGHIỆM CƠ LÝ HỖN HỢP CÀO BỐC TÁI SINH NGUỘI SỬ DỤNG BITUM BỌT VÀ XI MĂNG, VÀ NHỮ TƯƠNG</b>	
	Xác định cường độ chịu nén; Xác định cường độ kéo khi ép chế (ITS) 25°C	TCVN 8862:2011
	Xác định đặc tính tạo bọt của bitum; cường độ nén không hạn chế nở hông (UCS)	TCVN 13150:2020; TCVN 8862:2011
<b>37</b>	<b>THỬ NGHIỆM NHỮ TƯƠNG NHỰA ĐƯỜNG</b>	
	Xác định hàm lượng tưới nhựa	TCVN 9505-2012

**Ghi chú (\*)** Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.